TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 565/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung

2. Bà Hồ Thị Quyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1543/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3611/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thanh N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: phường T, quận TX, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ tạm trú: đường T, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Liang Yun T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Quốc tịch: Trung Quốc.

Địa chỉ: Lâm Quế, Quảng Tây, Trung Quốc.

Bà Lê Thanh N đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Liang Yun T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 283, Quyển số 01 ngày 19/9/2006. Sau khi kết hôn, Bà và ông Liang Yun T chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Liang Yun T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng xảy ra trong thời gian dài và không thể hàn gắn được. Bà và ông Liang Yun T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Bà xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Liang Yun T.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Lương Việt P, sinh ngày 26/7/2006. Hiện trẻ P đang sống với bà, nếu được ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ P cho đến khi trẻ thành niên, bà không yêu cầu ông Liang Yun T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Vì bận việc, bà đề nghị được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông Liang Yun T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ: Tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Liang Yun T có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 194/TTTPDS-TA30 ngày 09/4/2019). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và bị đơn vắng mặt không có lý do. Ngày 07/02/2020, Tòa án có Công văn số 89/TAND-CV đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc thực hiện thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo ngày, giờ, địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa đối với ông Liang Yun T. Nhưng đến nay, ông Liang Yun T vẫn không có văn bản phản hồi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Lê Thanh N, Hội đồng xét xử nhận thấy bà N và ông Liang Yun T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Liang Yun T hiện cư trú tại Trung Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai; thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Thanh N được ly hôn ông Liang Yun T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà N (bà N cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì bà và ông Liang Yun T chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn. Sau đó, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, ông Liang Yun T không quan tâm, chăm sóc gia đình. Do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà N và ông Liang Yun T đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn với ông Liang Yun T là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Lương Việt P, sinh ngày 26/7/2006. Bà N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ P cho đến khi trẻ thành niên, không yêu cầu ông Liang Yun T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ P đã chung sống với bà N từ khi sinh ra cho đến nay và bà N khẳng định mình đủ khả năng kinh tế để nuôi con, không yêu cầu ông Liang Yun T có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, giao cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ P cho đến khi trẻ thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Liang Yun T cho đến khi bà N có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thanh N khai không có. Tòa không xét.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Liang Yun T và đề nghị giao trẻ Lương Việt P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Lê Thanh N chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thanh N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thanh N được ly hôn với ông Liang Yun T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 283, Quyển số 01 ngày 19/9/2006 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp cho bà Lê Thanh N và ông Liang Yun T không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Lương Việt P, sinh ngày 26/7/2006 cho bà Lê Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trẻ thành niên.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Liang Yun T cho đến khi bà N có yêu cầu.

Ông Liang Yun T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Liang Yun T nếu ông Liang Yun T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

1.4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thanh N khai không có, Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Lê Thanh N chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0046137 ngày 18/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Thi hành án tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà Lê Thanh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Liang Yun T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao